

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH P**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14/2025/HS-ST**
Ngày 08/4/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH P**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hoa.

Bà Nguyễn Thị Tuyết .

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện P, tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh P tham gia phiên tòa: Ông Triệu Ngọc Sơn - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 08 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2025/TLST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Văn T**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 06/6/1979 tại tỉnh P; Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số thẻ CCCD: 025079007878 cấp ngày 12 tháng 08 năm 2021; Nơi cấp: Cục C1 về TTXH; Nơi thường trú: Khu A, thị trấn P, huyện P, tỉnh P; Bố đẻ: Phạm Văn T1 (Đã chết); Mẹ đẻ: Trương Thị V, sinh năm: 1950; Anh, chị em ruột: Có 05 anh, chị em, bị cáo là thứ ba; Vợ: Lương Thị N, sinh năm: 1984; Con: Có 02 con (Con lớn sinh năm 2004; Con nhỏ sinh năm 2010); Hiện mẹ, vợ và con của bị cáo đều ở khu A, thị trấn P, huyện P, tỉnh P.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/12/2024 đến ngày 03/01/2025 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ. Hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn C**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 12/10/1982 tại tỉnh P; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số thẻ CCCD: 025082018264; cấp ngày 11/8/2022; Nơi cấp: Cục C1 về TTXH; Nơi thường trú:

Khu T, xã H, thị xã P, tỉnh P; Bố đẻ: Không xác định; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị Á, sinh năm 1947; Chị em ruột: Có 04 chị em, bị cáo là thứ ba; Vợ: Đào Thị H, sinh năm 1981; Con: Có 03 con (Lớn nhất sinh năm 2005; Nhỏ nhất sinh năm 2019); Hiện mẹ, vợ và con của bị cáo đều ở khu T, xã H, thị xã P, tỉnh P.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/12/2024 đến ngày 03/01/2025 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ. Hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

3. Họ và tên: **Lê Anh T2**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 14/11/1975 tại tỉnh P; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số thẻ CCCD: 025075001146, cấp ngày 26 tháng 03 năm 2021; Nơi cấp: Cục C1 về TTXH; Nơi thường trú: Khu A, xã P, huyện P, tỉnh P; Bố đẻ: Lê Văn T3 (Đã chết); Mẹ đẻ: Đinh Thị L (Đã chết); A, em ruột: Có 04 anh em, bị cáo là nhỏ; Vợ: Nguyễn Thị H1 (Đã chết); Con: Có 02 con (Con lớn sinh năm 2000; Con nhỏ sinh năm 2012); Hiện các con của bị cáo đều ở khu A, xã P, huyện P, tỉnh P.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

Tại Bản án số 49/HS-ST ngày 29/6/1995 của Tòa án nhân dân huyện Phong Châu, tỉnh Vĩnh Phú xử phạt 36 tháng tù về tội “Cướp tài sản của công dân”. Tại Bản án số 104/PTHS ngày 24/8/1995 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phú xử phúc thẩm giữ nguyên mức phạt 36 tháng tù. Chấp hành xong án phí hình sự ngày 08/07/1997 và chấp hành xong án phạt tù ngày 16/02/1998. Đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/12/2024 đến ngày 03/01/2025 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ. Hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng hơn 14 giờ 00 ngày 25/12/2024, Phạm Văn T, sinh năm: 1979; nơi thường trú: Khu A, thị trấn P, huyện P, tỉnh P cùng Lê Anh T2, sinh năm: 1975; nơi thường trú tại khu A xã P, huyện P, tỉnh P và Nguyễn Văn C, sinh năm: 1982; nơi thường trú: Khu T, xã H, thị xã P, tỉnh P và Lương Thế H2, sinh năm: 1990; nơi thường trú tại: Khu A, xã T, huyện L, tỉnh P trong quá trình đi chơi thì gặp nhau. Sau đó Phạm Văn T, Lê Anh T2 và Nguyễn Văn C rủ nhau đánh bạc dưới hình thức chơi bài ba cây được thua bằng tiền rồi cùng nhau đến khu vực đồi cây bạch đàn của gia đình anh Vũ Thanh T4, sinh năm: 1984 thuộc khu A, xã P, huyện P, tỉnh P cách nhà T khoảng 300m để đánh bạc. Phạm Văn T đi về nhà lấy bộ bài tú lơ khơ 52 quân mang theo, trên đường từ nhà đi lên khu vực đồi cây bạch đàn, T chọn lấy 36 quân

bài tú lơ khơ, từ quân át đến quân số 9, đủ các chất rô, cơ, tép, bích để sử dụng vào việc đánh bạc, 16 quân bài còn lại thì T vứt bỏ ở ven đường.

Khi đánh bạc, Phạm Văn T, Lê Anh T2 và Nguyễn Văn C thống nhất chơi ba cây được thua bằng tiền, cụ thể: Sử dụng 36 quân bài tú lơ khơ từ quân “A” (Át) đến quân “9” có đủ các chất thứ tự từ cao xuống thấp là “rô, cơ, tép, bích” để chơi; người cầm chương sẽ cho một người chơi bốc bài để tính thứ tự người được chia bài đầu tiên, sau đó sẽ chia bài lần lượt theo vòng tròn kim đồng hồ cho tất cả những người chơi mỗi người chơi ba quân bài bất kỳ. Sau khi chia bài xong tất cả mọi người lên bài rồi cộng tổng điểm các quân bài mà mình có (Thấp nhất là 01 điểm, cao nhất là 10 điểm) rồi so với bài của người cầm chương. Mức chơi “trống cửa” - tức là đặt cược thấp nhất mỗi ván là 20.000 đồng cao nhất là 50.000 đồng. Nếu bài của người cầm chương cao điểm nhất thì những người chơi còn lại sẽ phải trả cho người cầm chương 20.000 đồng hoặc 50.000 đồng dựa theo mức cược; nếu bài của người cầm chương thấp điểm hơn bài của những người chơi khác thì sẽ phải trả cho người chơi số tiền tương ứng mức cược của người chơi. Nếu bài của người cầm chương được 9 hoặc 10 điểm thì người chơi phải trả cho người cầm chương 50.000 đồng. Ngoài ra không chơi bài “sáp” và “đồng hoa”. Quá trình T, T2 và C đánh bạc với nhau thì Lương Thế H2 ngồi xem và không tham gia đánh bạc.

T, T2 và C đánh bạc liên tục nhiều ván đến 16 giờ 30 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an huyện P kiểm tra phát hiện. Do hoảng sợ nên C đã cầm theo số tiền đang sử dụng đánh bạc là 1.850.000 đồng bỏ chạy. Công an huyện P đã lập biên bản sự việc, thu giữ các đồ vật, tài sản gồm: tại vị trí trước mặt chỗ T ngồi là số tiền 3.000.000 đồng; Tại vị trí trước mặt chỗ T2 ngồi là số tiền 500.000 đồng; Tại vị trí Nguyễn Văn C ngồi khi đánh bạc là số tiền 50.000 đồng; 36 quân bài tú lơ khơ, từ quân át đến quân số 9, đủ các chất rô, cơ, tép, bích, các quân bài đã qua sử dụng; 01 chiếc ví giả da màu nâu đã qua sử dụng thu giữ của Phạm Văn T, trong ví có 130.000 đồng, Phạm Văn T khai nhận, nếu như thua hết số tiền bỏ ra đánh bạc ban đầu, T sẽ sử dụng số tiền này để tiếp tục đánh bạc; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6S Plus, màu hồng, số sê-ri FCHTR1XZHF5M5, điện thoại lắp sim số: 0977.541.632 của Phạm Văn T; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A60, màu đen, kiểu máy CPH2631, điện thoại lắp sim số: 0972.390.074 của Lê Anh T2 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung GALAXY A23, màu đen, số sê-ri R58W30MYQMP, điện thoại lắp sim số: 0384.492.101 của Nguyễn Văn C.

Trong quá trình Công an huyện P lập biên bản sự việc, C đã quay lại địa điểm đánh bạc đầu thú và giao nộp số tiền đánh bạc là 1.850.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra T, T2 và C khai nhận số tiền sử dụng khi tham gia đánh bạc, cụ thể:

- Phạm Văn T mang theo số tiền 3.130.000 đồng và sử dụng số tiền 3.000.000 đồng tham gia đánh liên tục nhiều ván bạc, đến khi bị phát hiện T vẫn còn 3.000.000 đồng. Số tiền 130.000 đồng còn lại để trong ví, Phạm Văn T khai nhận, nếu như thua hết số tiền bỏ ra đánh bạc ban đầu, T sẽ sử dụng số tiền này để tiếp tục đánh bạc.

- Lê Anh T2 sử dụng số tiền 1.000.000 đồng tham gia đánh liên tục nhiều ván bạc, đến khi bị phát hiện T2 còn lại số tiền 500.000 đồng;

- Nguyễn Văn C sử dụng số tiền 1.400.000 đồng tham gia đánh nhiều ván bạc liên tục, đến khi bị phát hiện C cầm tiền đánh bạc để trước mặt rồi bỏ chạy, tại vị trí C ngồi khi đánh bạc còn lại số tiền là 50.000 đồng. Sau khi chạy thoát, biết mình không thể trốn được, C đã quay lại vị trí đánh bạc để làm việc, đồng thời tự nguyện giao nộp số tiền 1.850.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Phạm Văn T, Lê Anh T2 và Nguyễn Văn C dùng vào việc đánh bạc là 5.530.000 đồng.

Quá trình điều tra, các bị cáo Phạm Văn T, Nguyễn Văn C và Lê Anh T2 đã khai nhận toàn bộ hình vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai người làm chứng, phù hợp với vật chứng đã thu giữ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

* Nguyên nhân, động cơ, mục đích phạm tội: Phạm Văn T, Lê Anh T2 và Nguyễn Văn C thực hiện hành vi đánh bạc với động cơ, mục đích là vụ lợi.

* Vật chứng, tài sản thu giữ trong vụ án:

- Tiền ngân hàng N1: 5.530.000 đồng, trong đó: Số tiền 3.550.000 đồng thu giữ tại vị trí T, T2, C ngồi đánh bạc; Số tiền 130.000 đồng thu trong ví của T, T dùng để đánh bạc; Số tiền 1.850.000 đồng do C tự nguyện giao nộp và khai nhận là tiền đánh bạc;

- 36 quân bài tú lơ khơ, từ quân át đến quân số 9, đủ các chất rô, cơ, tép, bích, các quân bài đã qua sử dụng.

- 01 chiếc ví giả da màu nâu đã qua sử dụng thu giữ của Phạm Văn T; Toàn bộ các vật chứng trên chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện P chờ xử lý.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P đã trả lại cho: Phạm Văn T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6S Plus, màu hồng, số sê-ri FCHTR1XZHF5, điện thoại lắp sim số: 0977.541.632; Lê Anh T2 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A60, màu đen, kiểu máy CPH2631, điện thoại lắp sim số: 0972.390.074 và Nguyễn Văn C 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung GALAXY A23, màu đen, số sê-ri R58W30MYQMP, điện thoại lắp sim số: 0384.492.101 do không liên quan đến hành vi phạm tội.

* Xác minh về tài sản, thu nhập của bị cáo:

Bị cáo Phạm Văn T là lao động tự do, thu nhập không ổn định. Hiện nay T và vợ, con sinh sống tại ngôi nhà xây trên thửa đất số 326, tờ bản đồ số 30 thuộc khu A, thị trấn P, huyện P, tỉnh P của T. Thu nhập bình quân của một lao động tự do trên địa bàn thị trấn P, huyện P là 155.000 đồng/01 người/01 ngày.

Bị cáo Nguyễn Văn C là lao động tự do, thu nhập không ổn định. Hiện nay C và vợ, con sinh sống tại ngôi nhà xây trên thửa đất tại ô số 9, tờ bản vẽ quy hoạch khu tái định cư đường dây 500KW Sơn La - Hiệp Hòa thuộc khu T, xã H, thị xã P,

tỉnh P của C. Thu nhập bình quân của một lao động tự do trên địa bàn xã H, thị xã P là 39.000.000 đồng/01 người/01 năm.

Bị cáo Lê Anh T2 là lao động tự do, thu nhập không ổn định. Hiện nay T2 và con sinh sống tại ngôi nhà xây trên thửa đất số 165, tờ bản đồ số 55 thuộc khu A, xã P, huyện P, tỉnh P của T2. Thu nhập bình quân của một lao động tự do trên địa bàn xã P, huyện P là 58.200.000 đồng/01 người/01 năm.

Tại Bản cáo trạng số: 20/CT-VKSPN ngày 12/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh P đã truy tố các bị cáo Phạm Văn T, Nguyễn Văn C và Lê Anh T2 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh P giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn T.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn C.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Anh T2;

Áp dụng điểm a,b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a,b, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Áp dụng Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 và Danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

* Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn T, Nguyễn Văn C và Lê Anh T2 phạm tội “Đánh bạc”.

* Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 15 đến 21 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 42 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Phạm Văn T cho Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh P để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo Phạm Văn T có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh P trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 07 đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 20 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Văn C cho Ủy ban nhân dân xã H, thị xã P, tỉnh P để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo Nguyễn Văn C có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H, thị xã P, tỉnh P trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Xử phạt bị cáo Lê Anh T2 từ 09 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 30 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Lê Anh T2 cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh P để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo Lê Anh T2 có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh P trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp các bị cáo Phạm Văn T, Nguyễn Văn C và Lê Anh T2 thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, các bị cáo Phạm Văn T, Nguyễn Văn C và Lê Anh T2 cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo Phạm Văn T, Nguyễn Văn C và Lê Anh T2 phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Phạm Văn T, Nguyễn Văn C và Lê Anh T2.

* Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy vật chứng của vụ án, gồm 36 quân bài tú lơ khơ, từ quân át đến quân số 9, đủ các chất rô, cơ, tép, bích, các quân bài đã qua sử dụng; 01 chiếc ví giả da màu nâu đã qua sử dụng thu giữ của Phạm Văn T.

- Tịch thu thu sung quỹ Nhà nước của các bị cáo số tiền 5.530.000 đồng

- Xác nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện P, tỉnh P đã trả cho bị cáo Phạm Văn T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6S Plus, màu hồng, số sê-ri FCHTR1XZHF5, điện thoại lắp sim số: 0977.541.632; trả cho bị cáo Lê Anh T2 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A60, màu đen, kiểu máy CPH2631, điện thoại lắp sim số: 0972.390.074 và trả cho bị cáo Nguyễn Văn C 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung GALAXY A23, màu đen, số sê-ri R58W30MYQMP, điện thoại lắp sim số: 0384.492.101 theo các biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 11/01/2025 là hợp pháp.

* Về án phí hình sự sơ thẩm:

Buộc các bị cáo Phạm Văn T, Nguyễn Văn C và Lê Anh T2. Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa các bị cáo nói lời sau cùng:

Các bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Cơ quan điều tra - Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội:

Tại phiên toà hôm nay các bị cáo Phạm Văn T, Nguyễn Văn C và Lê Anh T2 thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với thời gian, địa điểm nơi xảy ra vụ án và vật chứng thu giữ được. Do đó có đủ cơ sở để xác định:

Trong khoảng thời gian từ hơn 14 giờ đến 16 giờ 30 ngày 25/12/2024, tại khu A, xã P, huyện P, tỉnh P, Phạm Văn T, Nguyễn Văn C và Lê Anh T2 có hành vi đánh bạc được, thua bằng tiền dưới hình thức chơi bài tú lơ khơ ba cây. Tổng số tiền Phạm Văn T, Nguyễn Văn C và Lê Anh T2 dùng vào việc đánh bạc là 5.530.000 đồng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Phạm Văn T, Nguyễn Văn C và Lê Anh T2 đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự;

Theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi qui định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội qui định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3]. Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, làm mất trật tự an toàn xã hội, là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác cũng như ảnh hưởng đến kinh tế và hạnh phúc gia đình. Xong vì mục đích vụ lợi nên các bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy cần quyết định mức hình phạt tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm cải tạo các bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[4]. Xét về vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như sau:

Đây là vụ án có tính chất đồng phạm nhưng mang tính giản đơn. Trong vụ án này, các bị cáo cùng rủ nhau và cùng trực tiếp tham gia đánh bạc, tuy nhiên khi quyết định hình phạt cần phân hoá vai trò của các bị cáo, bị cáo Phạm Văn T là người có số tiền đánh bạc lớn hơn các bị cáo khác đồng thời là người chuẩn bị công cụ phục vụ việc đánh bạc; bị cáo Nguyễn Văn C là người có số tiền đánh bạc ít hơn bị cáo T nhưng nhiều hơn bị cáo T2; bị cáo Lê Anh T2 có người có số tiền đánh bạc ít nhất nhưng bị cáo có nhân thân xấu. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử bị cáo T mức hình phạt cao hơn so với các bị cáo C và bị cáo T2 là phù hợp.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Phạm Văn T, Nguyễn Văn C và Lê Anh T2 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Đối với bị cáo Phạm Văn T: Quá trình điều tra và tại phiên toà thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

+ Đối với bị cáo Nguyễn Văn C: Quá trình điều tra và tại phiên toà thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi sự việc xảy ra thì bị cáo đầu thú nên bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

+ Đối với bị cáo Lê Anh T2: Quá trình điều tra và tại phiên toà thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có bố đẻ là ông Lê Văn T3 được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất nên bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, cùng các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Đối với Phạm Văn T và Nguyễn Văn C: Các bị cáo đều được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo C được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; bản thân chưa có tiền án, tiền sự, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên lần phạm tội này không cần áp dụng hình phạt tù cách ly cá bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà có thể cho các bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ để cải tạo các bị cáo thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

Đối với Lê Anh T2: Bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; nhân thân bị cáo đã từng đã 01 lần bị Tòa án xét xử về tội “Cướp tài sản của công dân” năm 1995, đã được xóa án tích. Hội đồng xét xử xét thấy vai trò của bị cáo Lê Anh T2 trong vụ án không đáng kể, số tiền bị cáo dùng để đánh bạc ít nhất trong 3 bị cáo, bị cáo có đầy đủ các điều kiện như bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Căn cứ quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự thì lần phạm tội này không cần áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà có thể cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ để cải tạo bị cáo thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự quy định “3. *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”.

Qua xác minh các bị cáo Phạm Văn T, Nguyễn Văn C và Lê Anh T2 là lao động tự do, thu nhập không ổn định. Tuy các bị cáo đều có tài sản là nhà và đất nhưng những tài sản này đều là tài sản chung gia đình bị cáo nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo T, C, T2 là phù hợp.

[5]. Đối với anh Lương Thế H2 ngồi xem T, C và T2 đánh bạc, không tham gia đánh bạc và cũng không được hứa hẹn hưởng lợi gì nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với anh Vũ Thanh T4 không biết việc Phạm Văn T, Lê Anh T2, Nguyễn Văn C cùng nhau đánh bạc tại khu vực đất trồng cây bạch đàn nằm trong khu vực trang trại của gia đình mình, do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[6]. Về vật chứng:

- Đối với số tiền 5.530.000 đồng cơ quan cảnh sát điều tra thu giữ khi bắt các bị cáo. Qua xác minh đây là số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước là phù hợp.

- Đối với 36 quân bài tú lơ khơ, từ quân át đến quân số 9, đủ các chất rô, cơ, tép, bích, các quân bài đã qua sử dụng thu giữ khi bắt các bị cáo. Qua xác minh đây là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 chiếc ví giả da màu nâu đã qua sử dụng thu giữ của Phạm Văn T. Qua xác minh không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo có quan điểm không nhận lại chiếc ví này và đề nghị tịch thu tiêu hủy. Do vậy, cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

- Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện P, tỉnh P đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp đối với tài sản, cụ thể: Trả cho bị cáo Phạm Văn T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6S Plus, màu hồng, số sê-ri FCHTR1XZHF5, điện thoại lắp sim số: 0977.541.632; Trả cho bị cáo Lê Anh T2 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A60, màu đen, kiểu máy CPH2631, điện thoại lắp sim số: 0972.390.074 và trả cho bị cáo Nguyễn Văn C 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung GALAXY A23, màu đen, số sê-ri R58W30MYQMP, điện thoại lắp sim số: 0384.492.101 theo các biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 11/01/2025 là hợp pháp nay cần xác nhận.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh P tại phiên tòa là phù hợp cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn T.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn C.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Anh T2;

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b,c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 và Danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[1]. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn T, Nguyễn Văn C và Lê Anh T2 phạm tội “Đánh bạc”.

[2]. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 15 (Mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (Ba mươi) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Phạm Văn T cho Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh P để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo Phạm Văn T có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh P trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 07 (Bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (Mười bốn) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Văn C cho Ủy ban nhân dân xã H, thị xã P, tỉnh P để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo Nguyễn Văn C có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H, thị xã P, tỉnh P trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Xử phạt bị cáo Lê Anh T2 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Lê Anh T2 cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh P để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo Lê Anh T2 có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh P trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp các bị cáo Phạm Văn T, Nguyễn Văn C và Lê Anh T2 thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, các bị cáo Phạm Văn T, Nguyễn Văn C và Lê Anh T2 cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo Phạm Văn T, Nguyễn Văn C và Lê Anh T2 phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Phạm Văn T, Nguyễn Văn C và Lê Anh T2.

[3]. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy vật chứng của vụ án, gồm:

+ 36 (ba mươi sáu) quân bài tú lơ khơ, từ quân át đến quân số 9, đủ các chất rô, cơ, tép, bích, các quân bài đã qua sử dụng.

+ 01 (một) chiếc ví giả da màu nâu đã qua sử dụng, nên trong không có đồ vật tài sản gì thu giữ của Phạm Văn T.

Các vật chứng trên được mô tả trong biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an tỉnh P và Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh P lập ngày 31/3/2025.

- Tịch thu thu sung quỹ Nhà nước số tiền 5.530.000 đồng (Năm triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng).

Số tiền 5.530.000 đồng (Năm triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng) đã được Công an tỉnh P chuyển theo ủy nhiệm chi tới tài khoản số 3949.0.1053892.00000 của Chi cục thi hành án huyện P, tỉnh P mở tại Phòng G - Kho bạc Nhà nước khu vực VIII.

- Xác nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện P, tỉnh P đã trả cho bị cáo Phạm Văn T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6S Plus, màu hồng, số sê-ri FCHTR1XZHFM5, điện thoại lắp sim số: 0977.541.632; trả cho bị cáo Lê Anh T2 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A60, màu đen, kiểu máy CPH2631, điện thoại lắp sim số: 0972.390.074 và trả cho bị cáo Nguyễn Văn C 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung GALAXY A23, màu đen, số sê-ri R58W30MYQMP, điện thoại lắp sim số: 0384.492.101 theo các biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 11/01/2025 là hợp pháp.

[4]. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Buộc các bị cáo Phạm Văn T, Nguyễn Văn C và Lê Anh T2. Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- VKSND huyện P, tỉnh P;
- VP CQCSĐT- Công an tỉnh P;
- CC THADS huyện P; tỉnh P;
- Sở Tư pháp tỉnh P;
- UBND nơi các b/c cư trú;
- Các bị cáo;
- Lưu VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Việt Hưng